

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ HVA

Số: 3103.2/2023/HVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Mã chứng khoán: **HVA**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều,  
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Điện thoại: 02923.826.688

Email: [cbtt.hva@gmail.com](mailto:cbtt.hva@gmail.com)

Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN THỊ QUỲNH OANH**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Loại công bố thông tin:  Định kỳ  Bất thường  24 giờ  Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:** Công ty cổ phần đầu tư HVA Công bố thông tin về báo cáo tài chính riêng năm 2022 kèm Công văn giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế.

Thông tin này được Công ty cổ phần Đầu tư HVA công bố trên cổng thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2023 tại đường dẫn: <https://hva.group/category/quan-he-co-dong/thong-tin-chung/>

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Tài liệu kèm theo:**

- BCTC riêng năm 2022;
- CV giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế.



**NGUYỄN THỊ QUỲNH OANH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

## **MỤC LỤC**

|   | <b>Trang</b>   |
|---|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>   | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>   | <b>2 - 3</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>   | <b>4 - 5</b>   |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>  | <b>6 - 9</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b> | <b>10</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>    | <b>13 - 27</b> |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104659943, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 31 tháng 8 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại : 02923 826 688

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: kinh doanh hàng nông sản là cà phê và hồ tiêu.

**Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên              | Chức vụ            | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|------------------------|--------------------|-------------------------------------|
| Ông Vương Lê Vĩnh Nhân | Chủ tịch           | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2022   |
| Ông Lê Hoài Nam        | Chủ tịch           | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2022 |
| Ông Vũ Hải Nam         | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2022   |
| Ông Nguyễn Thành Đạt   | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2022   |
| Ông Đinh Tuấn Kiệt     | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021   |
| Ông Nguyễn Minh Duy    | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020   |
| Ông Lê Văn An          | Thành viên độc lập | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2022 |

**Ban Kiểm toán nội bộ**

| Họ và tên          | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|--------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Vũ Hải Nam     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2022   |
| Ông Lê Văn An      | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2022 |
| Ông Đinh Tuấn Kiệt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2021   |

**Ban điều hành**

| Họ và tên                | Chức vụ        | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|--------------------------|----------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Oanh | Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2022   |
| Ông Vương Lê Vĩnh Nhân   | Tổng Giám đốc  | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2022 |
| Ông Phạm Thị Thu Lương   | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020  |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên                | Chức vụ       | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|--------------------------|---------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Oanh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 8 năm 2022   |
| Ông Vương Lê Vĩnh Nhân   | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2022 |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Quỳnh Oanh**  
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0393/23/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vào ngày 31 tháng 3 năm 2022.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1*  
Người được ủy quyền

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1*

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>69.429.412.327</b> | <b>88.884.295.561</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>7.806.877.043</b>  | <b>2.694.659.539</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 7.806.877.043         | 2.694.659.539         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>61.557.276.328</b> | <b>86.137.319.255</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 47.161.708.112        | 36.661.276.372        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 14.395.568.216        | 55.661.120.369        |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        |             | -                     | -                     |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.5         | -                     | (6.185.077.486)       |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>65.258.956</b>     | <b>52.316.767</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.6a        | 7.419.355             | 6.166.664             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 57.839.601            | 43.246.879            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.10        | -                     | 2.903.224             |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>79.879.220.244</b>  | <b>54.000.235.414</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>34.877.616.884</b>  | -                      |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.7         | 10.892.097.327         | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 11.014.480.443         | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (122.383.116)          | -                      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.8         | 23.985.519.557         | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 23.985.519.557         | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | <b>V.2</b>  | <b>45.000.000.000</b>  | <b>54.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | 45.000.000.000         | 45.000.000.000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | 9.000.000.000          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>1.603.360</b>       | <b>235.414</b>         |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.6b        | 1.603.360              | 235.414                |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>149.308.632.571</b> | <b>142.884.530.975</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>9.654.857.895</b> | <b>3.630.105.799</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>9.654.857.895</b> | <b>3.630.105.799</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.9         | 3.403.960.193        | 3.433.873.520        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | -                    | -                    |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.10        | -                    | 62.332.800           |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 61.635.000           | -                    |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        |             | 67.555.556           | -                    |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                    | -                    |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                    | -                    |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                    | -                    |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.11        | 6.121.707.146        | 133.899.479          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                    | -                    |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                    | -                    |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | -                    | -                    |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                    | -                    |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                    | -                    |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>-</b>             | <b>-</b>             |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                    | -                    |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                    | -                    |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                    | -                    |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                    | -                    |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                    | -                    |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                    | -                    |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                    | -                    |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                    | -                    |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                    | -                    |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                    | -                    |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                    | -                    |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                    | -                    |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                    | -                    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>139.653.774.676</b> | <b>139.254.425.176</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> | <b>V.12</b> | <b>139.653.774.676</b> | <b>139.254.425.176</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        |             | 136.500.000.000        | 136.500.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 136.500.000.000        | 136.500.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | (191.363.636)          | (191.363.636)          |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        |             | 3.345.138.312          | 2.945.788.812          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 2.945.788.812          | 2.945.788.812          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 399.349.500            | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>149.308.632.571</b> | <b>142.884.530.975</b> |

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Lương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Lương

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thị Quỳnh Oanh

15-06  
NHÂN  
CỘNG TY  
KẾ M H  
V VÀ T  
& C  
HÀ N  
A - T

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

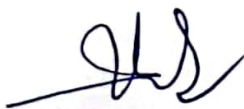
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay            | Năm trước          |
|--|-------|-------------|--------------------|--------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 110.992.048.356    | 158.849.076.907    |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                  | -                  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 110.992.048.356    | 158.849.076.907    |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 110.380.512.548    | 158.452.793.961    |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 611.535.808        | 396.282.946        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 720.357.266        | 31.691.810         |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 34.807.978         | -                  |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | -                  | -                  |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -                  | -                  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 736.833.134        | 208.005.475        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 560.251.962        | 219.969.281        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |             | -                  | -                  |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.6        | 146.816.087        | -                  |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (146.816.087)      | -                  |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 413.435.875        | 219.969.281        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.10        | 14.086.375         | 43.993.856         |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                  | -                  |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>399.349.500</u> | <u>175.975.425</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.7        | -                  | -                  |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.7        | -                  | -                  |

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Lương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Lương

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thị Quỳnh Oanh

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Số                   |                         |
|--|-----------|-------------|----------------------|-------------------------|
|  |           |             | Năm nay              | Năm trước               |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                      |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | 413.435.875          | 219.969.281             |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |             |                      |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.7         | 122.383.116          | -                       |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |             | -                    | -                       |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                    | -                       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | VI.3        | (720.000.000)        | (30.000.000)            |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | -                    | -                       |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                    | (85.000.000)            |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | (184.181.009)        | 104.969.281             |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (1.431.646.571)      | (32.585.739.905)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | -                    | -                       |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | 6.066.991.191        | (601.754.761)           |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | (2.620.637)          | (5.224.996)             |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                    | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | -                    | -                       |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.10        | (56.325.470)         | -                       |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -                    | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | -                    | -                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>4.392.217.504</b> | <b>(33.087.750.381)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                      |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | -                    | -                       |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                    | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                    | -                       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                    | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                    | (45.000.000.000)        |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                    | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | 720.000.000          | 30.000.000              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>720.000.000</b>   | <b>(44.970.000.000)</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh              |                       |           |
|--|-----------|--------------------------|-----------------------|-----------|
|  |           |                          | Năm nay               | Năm trước |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |                          |                       |           |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        | -                        | 80.000.000.000        |           |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        | -                        | -                     |           |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | -                        | -                     |           |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | -                        | -                     |           |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính  | 35        | -                        | -                     |           |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | -                        | -                     |           |
|  |           |                          | -                     |           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> | <b>-</b>                 | <b>80.000.000.000</b> |           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> | <b>5.112.217.504</b>     | <b>1.942.249.619</b>  |           |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1 2.694.659.539</b> | <b>752.409.920</b>    |           |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        | -                        | -                     |           |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1 7.806.877.043</b> | <b>2.694.659.539</b>  |           |

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Lương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Lương

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quỳnh Oanh

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: kinh doanh hàng nông sản là cà phê và hồ tiêu.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Đại Phát Vina có trụ sở chính tại số 156 Lý Thường Kiệt, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là thu mua, sản xuất cà phê và kinh doanh hàng nông sản là cà phê và hồ tiêu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 90%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 05 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 02 nhân viên). Trong năm 2022, Công ty có 04/05 nhân viên không đóng bảo hiểm xã hội.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

#### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi đã bù trừ với các khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí cập nhật dữ liệu và chi phí gia hạn chữ ký số. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Chi phí cập nhật dữ liệu*

Chi phí cập nhật dữ liệu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 12 tháng.

#### *Chi phí gia hạn chữ ký số*

Chi phí gia hạn chữ ký số được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian gia hạn

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc       | 45            |

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Tiền bản quyền***

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **12. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt                        | 3.399.849                   | 788.223.452                 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.803.477.194               | 1.906.436.087               |
| Tiền đang chuyển (*)            | 6.000.000.000               | -                           |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>7.806.877.043</u></b> | <b><u>2.694.659.539</u></b> |

(\*) Ngày 25 tháng 11 năm 2022, Công ty mua 600.000 cổ phiếu đang giao dịch trên sàn chứng khoán của Công ty Cổ phần Big Invest Group (BIG) với giá mua là: 6.000.000.000 VND. Ngày 29 tháng 12 năm 2022, Công ty bán 20.000 cổ phiếu của BIG với giá bán là: 200.000.000 VND và ngày 30 tháng 12 năm 2022, Công ty tiếp tục bán 580.000 cổ phiếu của BIG với giá bán là: 5.800.000.000 VND. Ngày 04 tháng 01 năm 2023, Công ty đã nhận được giấy báo Có của Ngân hàng về khoản tiền đang chuyển nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

|  | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| <i>Đầu tư vào công ty con</i>                | <b>45.000.000.000</b> | -        | <b>45.000.000.000</b> | -        |
| Công ty Cổ phần Đại Phát Vina <sup>(i)</sup> | 45.000.000.000        | -        | 45.000.000.000        | -        |
| <i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>        |                       |          | <b>9.000.000.000</b>  | -        |
| Công ty Cổ phần Citipass <sup>(ii)</sup>     | -                     | -        | 9.000.000.000         | -        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>45.000.000.000</b> | -        | <b>54.000.000.000</b> | -        |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000412156 ngày 24 tháng 12 năm 2001, thay đổi lần thứ chín ngày 20 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắc Lắc cấp, Công ty Cổ phần Đại Phát Vina (“Đại Phát Vina”) có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 4.500.000 cổ phần, chiếm 90% vốn điều lệ Đại Phát Vina (không thay đổi so với đầu năm).

(ii) Theo Nghị quyết và Biên bản họp Hội đồng quản trị số 2712/2022 ngày 27 tháng 12 năm 2022 đã thông qua về việc thoái toàn bộ phần vốn của HVA tại Công ty Cổ phần Citipass. Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần HVA cho bên nhận chuyển nhượng là ông Vũ Văn Ngọc theo hợp đồng chuyển nhượng số 2812/2022/HDCNCP-HVA-NGOC ngày 28 tháng 12 năm 2022 với giá chuyển nhượng là 9.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Citipass.

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tình hình hoạt động của các công ty con**

Công ty Cổ phần Đại Phát Vina đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**Giao dịch với các công ty con**

Công ty chỉ phát sinh giao dịch mua hàng hóa của bên liên quan là Công ty Cổ phần Đại Phát Vina số tiền 5.841.377.000 VND (Năm trước là 75.671.489.535 VND).

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                                 | <b>9.000.000.000</b>  | <b>11.481.018.331</b> |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Cà phê Avina                             | -                     | 11.481.018.331        |
| Ông Vũ Văn Ngọc <sup>(*)</sup>                                    | 9.000.000.000         | -                     |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>                               | <b>38.161.708.112</b> | <b>25.180.258.041</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Phát Đạt.         | 14.648.962.200        | -                     |
| Công ty TNHH MTV cà phê Tuy Đức Đắc Nông                          | 17.750.016.000        | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Thắng.                                | -                     | 12.864.149.846        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp Trảng An                   | -                     | 4.521.165.000         |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư và Phát triển Thương mại Hùng Phát | 5.762.729.912         | 4.506.030.709         |
| Các khách hàng khác   | -                     | 3.288.912.486         |
| <b>Cộng</b>   | <b>47.161.708.112</b> | <b>36.661.276.372</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (\*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2812/2022/HDCNCP-HVA-NGOC ngày 28 tháng 12 năm 2022 được ký giữa Công ty và ông Vũ Văn Ngọc về việc chuyển nhượng 900.000 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Citipass với giá chuyển nhượng là 9.000.000.000 đồng, thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng. Công ty đã nhận được các giấy báo Có của Ngân hàng về khoản thanh toán của ông Vũ Văn Ngọc nêu trên từ ngày 12 đến ngày 16 tháng 01 năm 2023.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i>  | -                     | <b>50.313.513.037</b> |
| Ông Đinh Tuấn Kiệt (i)  | -                     | 35.000.000.000        |
| Chi nhánh Xuất nhập khẩu Nông sản - Công ty Cổ phần Tập đoàn Cà phê Avina             | -                     | 10.526.296.520        |
| Nhà máy Sản xuất Chế biến Cà phê – Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Phát Vina tại Sơn La | -                     | 4.787.216.517         |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i>   | <b>14.395.568.216</b> | <b>5.347.607.332</b>  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Nội Phố   | 7.254.154.816         | 3.583.357.332         |
| Công ty TNHH nông sản Cảnh Ngọc   | 7.141.413.400         | -                     |
| Các nhà cung cấp khác   | -                     | 1.764.250.000         |
| <b>Cộng</b>   | <b>14.395.568.216</b> | <b>55.661.120.369</b> |

- (i) Khoản ứng trước cho Ông Đinh Tuấn Kiệt theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐMB/KIET-HVA ngày 01 tháng 12 năm 2021 để chuyển nhượng hai quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 35.000.000.000 VND, Công ty đã ứng trước 35.000.000.000 VND theo quy định của hợp đồng. Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tài sản chính thức được nghiệm thu đưa vào sử dụng và ghi nhận Tài sản cố định. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa thực hiện xong thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do Công ty không có ngành nghề kinh doanh bất động sản, ngày 07 tháng 11 năm 2022 Công ty đã có Nghị quyết họp Hội đồng quản trị số 0711/2022/NQ-HĐQT-HVA về việc trình Đại hội đồng cổ đông bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản.

**5. Nợ xấu**

|   | <u>Số cuối năm</u>       |                |   | <u>Số đầu năm</u>             |                          |                      |
|---|--------------------------|----------------|---|-------------------------------|--------------------------|----------------------|
|   | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u> |   | <u>Giá trị có thể thu hồi</u> | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u>       |
| Công ty Cổ phần TM Công nghiệp Trường An  |                          | -              | - | Trên 3 năm                    | 4.521.165.000            | 4.521.165.000        |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt |                          | -              | - | Trên 3 năm                    | 3.250.000.000            | 1.625.000.000        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh         |                          | -              | - | Trên 3 năm                    | 38.912.486               | 38.912.486           |
| <b>Cộng</b>                               |                          | -              | - |                               | <b>7.810.077.486</b>     | <b>6.185.077.486</b> |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                    | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u>     |
|--------------------|-----------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 6.185.077.486   | 6.185.077.486        |
| Xóa nợ             | (6.185.077.486) | -                    |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>-</b>        | <b>6.185.077.486</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí trả trước****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí cập nhật dữ liệu 2022 trên trang cafef.vn còn phải phân bổ.

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí gia hạn chữ ký số còn phải phân bổ.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Là công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

|                    | Nguyên giá            | Hao mòn lũy kế       | Giá trị còn lại       |
|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm         | -                     | -                    | -                     |
| Tăng trong năm     | 11.014.480.443        | -                    | 11.014.480.443        |
| Khấu hao trong năm | -                     | (122.383.116)        | (122.383.116)         |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>11.014.480.443</b> | <b>(122.383.116)</b> | <b>10.892.097.327</b> |

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

-

Chờ thanh lý

-

**8. Tài sản cố định vô hình**

Là giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, Phường An Khánh quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>       | <b>3.355.960.193</b> | -                    |
| Chi nhánh Xuất nhập khẩu Nông sản       | 3.355.960.193        | -                    |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Cà phê Avina |                      |                      |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>   | <b>48.000.000</b>    | <b>3.433.873.520</b> |
| Công ty TNHH Hải Sơn                    | -                    | 2.600.000.000        |
| DNTN Hồng Thắm                          | -                    | 748.373.520          |
| Các nhà cung cấp khác                   | 48.000.000           | 85.500.000           |
| <b>Cộng</b>                             | <b>3.403.960.193</b> | <b>3.433.873.520</b> |

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|  | Số đầu năm        |                  | Số phát sinh trong năm |                      | Số cuối năm |          |
|--|-------------------|------------------|------------------------|----------------------|-------------|----------|
|  | Phải nộp          | Phải thu         | Số phải nộp            | Số đã thực nộp       | Phải nộp    | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 20.093.705        | -                | 6.025.217              | (26.118.922)         | -           | -        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 42.239.095        | -                | 14.086.375             | (56.325.470)         | -           | -        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | -                 | 2.903.224        | 18.761.762             | (15.858.538)         | -           | -        |
| Các loại thuế khác                     | -                 | -                | 3.000.000              | (3.000.000)          | -           | -        |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                 | -                | 107.507.780            | (107.507.780)        | -           | -        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>62.332.800</b> | <b>2.903.224</b> | <b>149.381.134</b>     | <b>(208.810.710)</b> | <b>-</b>    | <b>-</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ sơ chế về bán cho các doanh nghiệp khác      Không phải kê khai tính thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác      10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 413.435.875       | 11.620.657       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                   |                  |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 146.816.087       | -                |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | -                 | -                |
| Thu nhập chịu thuế   | 560.251.962       | 11.620.657       |
| Thu nhập được miễn thuế  | (720.000.000)     |                  |
| Lỗi các năm trước được chuyển  | -                 | (11.620.657)     |
| Thu nhập tính thuế   | (159.748.038)     |                  |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%               | 20%              |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>-</b>          | <b>-</b>         |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>                                  | <b>14.086.375</b> | <b>-</b>         |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>   | <b>14.086.375</b> | <b>-</b>         |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**11. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>  |
|--|----------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn                             | 40.327.700           | 40.327.700         |
| BHXH, BHYT, BHTN                               | 93.571.779           | 93.571.779         |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt           | 5.987.807.667        | -                  |
| - Phải thu tiền bán chứng khoán <sup>(1)</sup> | -                    | -                  |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>6.121.707.146</b> | <b>133.899.479</b> |

<sup>(1)</sup> Là khoản tiền bán chứng khoán BIG đã nhận ứng trước từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2023, đã đối trừ khoản ứng trước này với tiền bán chứng khoán thu được từ Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Vốn chủ sở hữu****12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                        | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| <i>Năm trước</i>       |                        |                      |                                   |                        |
| Số dư đầu năm          | 56.500.000.000         | (106.363.636)        | 2.769.813.387                     | 59.163.449.751         |
| Nhận vốn góp trong năm | 80.000.000.000         | (85.000.000)         | -                                 | 79.915.000.000         |
| Lợi nhuận trong năm    | -                      | -                    | 175.975.425                       | 175.975.425            |
| <b>Số dư cuối năm</b>  | <b>136.500.000.000</b> | <b>(191.363.636)</b> | <b>2.945.788.812</b>              | <b>139.254.425.176</b> |
| <i>Năm nay</i>         |                        |                      |                                   |                        |
| Số dư đầu năm          | 136.500.000.000        | (191.363.636)        | 2.945.788.812                     | 139.254.425.176        |
| Lợi nhuận trong năm    | -                      | -                    | 399.349.500                       | 399.349.500            |
| <b>Số dư cuối năm</b>  | <b>136.500.000.000</b> | <b>(191.363.636)</b> | <b>3.345.138.312</b>              | <b>139.653.774.676</b> |

**12b. Cổ phiếu**

|                                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.650.000  | 13.650.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 13.650.000  | 13.650.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 13.650.000  | 13.650.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 13.650.000  | 13.650.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 13.650.000  | 13.650.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND.

**12c. Kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 08 tháng 7 năm 2022 đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ với phương thức chào bán là chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, tỷ lệ thực hiện quyền (dự kiến) 1:1,3919, giá chào bán tối thiểu là 10.000 VND/cổ phiếu. Tổng giá trị chào bán dự kiến 190.000.000.000 VND. Thời gian thực hiện ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

**12d. Nợ khó đòi đã xử lý**

Theo Nghị quyết HĐQT số 2111/2022/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc xóa các khoản nợ khó đòi đã trích lập dự phòng, Công ty đã thực hiện xóa nợ các đối tượng sau:

|  |   |                      |
|--|---|----------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp Trường An | : | 4.521.165.000        |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt        | : | 1.625.000.000        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh                | : | 38.912.486           |
| <b>Cộng</b>                                      | : | <b>6.185.077.486</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Doanh thu của hàng hóa đã bán

**1b. Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan**

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng hóa cho bên liên quan là Công ty Cổ phần Tập đoàn Cà phê Avina số tiền 2.247.306.000 VND (Kỳ trước không phát sinh).

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của hàng hóa đã bán.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                     | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>         |
|-------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 357.266                   | 1.691.810                |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia         | 720.000.000               | 30.000.000               |
| <b>Cộng</b>                         | <b><u>720.357.266</u></b> | <b><u>31.691.810</u></b> |

**4. Chi phí tài chính**

|                         | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------|--------------------------|------------------|
| Chi phí bán chứng khoán | 22.807.978               | -                |
| Lỗ đầu tư chứng khoán   | 12.000.000               | -                |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>34.807.978</u></b> | <b><u>-</u></b>  |

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>          |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 218.783.000               | 56.530.000                |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 77.395.828                | -                         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 122.383.116               | -                         |
| Thuế, phí và lệ phí              | 3.000.000                 | 3.000.000                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 301.322.233               | 148.475.475               |
| Các chi phí khác                 | 13.948.957                | -                         |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>736.833.134</u></b> | <b><u>208.005.475</u></b> |

**6. Chi phí khác**

|                           | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|----------------|------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 146.816.087    | -                |

**7. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA**

Địa chỉ: Số 81 Nguyễn Hiền, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>          |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 77.395.828                | -                         |
| Chi phí nhân công                | 218.783.000               | 56.530.000                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 122.383.116               | -                         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 301.322.233               | 233.475.391               |
| Chi phí khác                     | 16.948.957                | 3.000.000                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>736.833.134</u></b> | <b><u>293.005.391</u></b> |

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Bà Phạm Thị Thu Lương – Kế toán trưởng</b>   |                |                  |
| Lương, thưởng và các khoản phụ cấp              | 78.000.000     | 21.600.000       |
| <b>Bà Nguyễn Thị Quỳnh Oanh – Tổng Giám đốc</b> |                |                  |
| Cam kết không nhận lương từ ngày 27/8/2022      | -              | -                |

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u>             | <u>Mối quan hệ</u>                          |
|---------------------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Đại Phát Vina         | Công ty con                                 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Cà phê Avina | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ HVA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3103.2/CVGT-HVA

Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2023

(V/v giải trình về biến động lợi nhuận  
sau thuế của Báo cáo tài chính riêng  
năm 2022)

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty cổ phần Đầu tư HVA (Mã chứng khoán HVA) xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hợp tác và giúp đỡ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời gian qua.

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính riêng của năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư HVA.

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (HVA) xin giải trình sự biến động của lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2022 như sau:

1. Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế TNDN chênh lệch 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

DVT: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2022    | Năm 2021    | Chênh lệch   |             |
|-----|----------|-------------|-------------|--------------|-------------|
|     |          |             |             | Số tuyệt đối | % tăng/giảm |
| 1   | LNST     | 399.349.500 | 175.975.425 | 223.374.075  | 126.93%     |

**Giải trình nguyên nhân:**

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng năm 2022 tăng 223.374.075 VNĐ (Hai trăm hai mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng) tương đương 126.93% so với năm 2021 do năm 2022 lợi nhuận gộp về bán hàng tăng (tỷ suất lợi nhuận trên

doanh thu năm 2022 tăng gấp đôi so với năm 2021), đồng thời doanh thu tài chính tăng (lãi cố tức ưu đãi của khoản đầu tư tài chính) nên dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng.

2. Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế TNDN có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên của báo cáo tài chính riêng năm 2022, cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | BCTC tự lập | BCTC kiểm toán | Chênh lệch   |             |
|-----|----------|-------------|----------------|--------------|-------------|
|     |          |             |                | Số tuyệt đối | % tăng/giảm |
| 1   | LNST     | 558.733.408 | 399.349.500    | 159.383.908  | 39,91%      |

**Giải trình nguyên nhân:**

Tại BCTC tự lập doanh nghiệp chưa thực hiện trích khấu hao tài sản cố định và trích được một số chi phí quản lý doanh nghiệp khác theo quy định kế toán hiện hành. Tại BCTC kiểm toán, đơn vị kiểm toán đã điều chỉnh hạch toán các chi phí trên theo đúng quy định, do đó lợi nhuận sau thuế tại BCTC kiểm toán giảm 159.383.908 VNĐ (Một trăm năm mươi chín triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm linh tám đồng) tương đương 39,91% so với BCTC tự lập.

Trên đây là những nguyên nhân chủ yếu làm biến động của lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Đầu tư HVA.

Công ty cổ phần Đầu tư HVA xin giải trình với UBCK Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thông báo cho các Cổ đông được biết.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu vp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ QUỲNH OANH